ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số 184/TTr-UBND	*Triệu Phong, ngày 11 tháng 7 năm 2023*

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách huyện)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Triệu Phong phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách huyện);

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 của HĐND huyện Triệu Phong về việc phê chuẩn điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách huyện);

Trên cơ sở thực tế, khả năng thực hiện kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất của từng địa phương; tình hình huy động nguồn vốn đầu tư từ các nguồn hỗ trợ khác nhau; nhu cầu vốn đầu tư của các dự án tăng cao do giá vật liệu trên thị trường tăng làm ảnh hưởng đến tình hình thực hiện đầu tư trên địa bàn, dẫn đến có nhiều thay đổi. Để đảm bảo trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện theo đúng quy định. UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 với các nội dung chính như sau:

1. Điều chỉnh bổ sung danh mục dự án:

- Bổ sung danh mục dự án năm 2023 tại xã Triệu Phước hỗ trợ hoàn thiện tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới nâng cao và dự án: Cải tạo cảnh quan Hồ Sắc Tư, thị trấn Ái Tử (ngân sách tỉnh hỗ trợ, ngân sách huyện đối ứng) vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: 03 dự án

- Điều chỉnh tên, phân khai các danh mục dự án đã có trong trung han và bổ sung các danh mục mới của kế hoạch đầu tư công xây dựng mới năm 2024 vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: 20 dự án.

Trong đó:

A	**6 công trình phân khai danh mục đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn:**	**Ghi chú**
1	Trung tâm Môi trường & Đô thị huyện; hạng mục: Nâng cấp nền nhà (phân khai từ danh mục: Hỗ trợ nâng cấp trụ sở các cơ quan, các xã, thị trấn	
2	Nâng cấp chợ Trung tâm thị trấn Ái Tử (phân khai từ danh mục: Hỗ trợ đầu tư xây dựng huyện và các xã về đích XD NTM, NTM kiểu mẫu trong giai đoạn)	
3	Đường giao thông nông thôn xã Triệu Trạch năm 2024 (phân khai từ danh mục: Đường giao thông nông thôn các thôn xã Triệu Trạch)	

4	Đường GTNT thôn An Lộng, xã Triệu Hoà 2024 (phân khai từ danh mục: Đường giao thông nông thôn các thôn xã Triệu Hòa)	
5	Nâng cấp nhà văn hóa tiểu khu 1, thị trấn Ái Tử (phân khai từ danh mục: Sân, cổng tường rào nhà VH (Tk 1,2,4,6))	
6	Nhà văn hóa thôn An Xuân, xã Triệu An (phân khai từ danh mục: Hỗ trợ đầu tư nhà VH các thôn)	
B	**14 công trình bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn:**	
1	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng thôn Bích la Đông	
2	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng thôn An Tiêm	
3	Nâng cấp Trung tâm văn hoá xã Triệu Phước	
4	Nhà văn hoá thôn Nam Phước, xã Triệu Phước	
5	Kiên cố hoá kênh mương thôn Vân Hoà, xã Triệu Hoà	
6	Chợ Triệu Thuận	
7	Đường GTNT xã Triệu Độ năm 2024	
8	Kiên cố hóa kênh mương xã Triệu Độ năm 2024	
9	Nâng cấp trường Mầm non Triệu Độ (khu vực Giáo Liêm); hạng mục: Nâng cấp sân và nhà vệ sinh	
10	Đường Đinh Tiên Hoàng, thị trấn Ái Tử: Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước (đoạn từ QL1A đến hồ Sắc Tứ)	
11	Đường Nguyễn Huệ, thị trấn Ái Tử: Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Trần Hữu Dực)	
12	Đường Đoàn Bá Thừa, thị trấn Ái Tử; hạng muc: Thảm nhựa nền đường	
13	Hệ thống Đèn trang trí cầu An Mô	
14	Nâng cấp Nghĩa Trang Liệt sỹ xã Triệu Thành (khu vực Cổ Thành)	

2. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn: *(chi tiết theo phụ biểu đính kèm)*

Cơ cấu nguồn vốn tăng: 34.440 triệu đồng;

Trong đó: - Vốn XD CB TT: 5.100 triệu đồng;

- Vốn thu tiền sử dụng đất: 25.340 triệu đồng (Trong đó điều chỉnh vốn năm 2023 là 1.500 triệu đồng; Điều chỉnh và bổ sung vốn năm 2024: 23.840 triệu;

- Vốn xắp xếp nhà đất: 4.000 triệu đồng (Chợ Bồ Bản)

Chi tiết như sau:

- Vốn XD CB TT: 5.100 triệu đồng;

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn tăng *(ĐVT: 1.000đ)*	Ghi chú
	Tổng cộng	**5.100.000**	
1	Trung tâm Môi trường & Đô thị huyện; hạng mục: Nâng cấp nền nhà	100.000	
2	Cải tạo cảnh quan Hồ Sắc Tư, thị trấn Ái Tử	5.000.000	

- Vốn thu tiền sử dụng đất: 25.340 triệu đồng;

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn tăng *(ĐVT: 1.000đ)*	Ghi chú
A	**Bổ sung danh mục năm 2023**	**1.500.000**	
1	Trường Tiểu học Triệu Phước; hạng mục Nhà Đa Năng	1.000.000	
2	Quy hoạch khu dân cư xã Triệu Phước	500.000	
B	**Công trình xây dựng mới năm 2024**	**21.440.000**	
1	Nâng cấp chợ Trung tâm thị trấn Ái Tử	500.000	
2	Đường giao thông nông thôn xã Triệu Trạch năm 2024	1.000.000	
3	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng thôn Bích la Đông	800.000	
4	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng thôn An Tiêm	700.000	
5	Nâng cấp Trung tâm văn hoá xã Triệu Phước	500.000	
6	Nhà văn hoá Thôn Nam Phước, xã Triệu Phước	1.500.000	
7	Kiên cố hoá kênh mương thôn Vân Hoà, xã Triệu Hoà	350.000	
8	Đường GTNT thôn An Lộng, xã Triệu Hoà	1.000.000	
9	Chợ Triệu Thuận	5.000.000	
10	Nhà văn hóa thôn An Xuân, xã Triệu An	1.000.000	
11	Đường GTNT xã Triệu Độ năm 2024	1.000.000	
12	Kiên cố hóa kênh mương xã Triệu Độ năm 2024	1.000.000	
13	Nâng cấp trường Mầm non Triệu Độ (khu vực Giáo Liêm); hạng mục: Nâng cấp sân và nhà vệ sinh	500.000	
14	Nâng cấp nhà văn hóa tiểu khu 1, thị trấn Ái Tử	500.000	
15	Đường Đinh Tiên Hoàng, thị trấn Ái Tử: Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước (đoạn từ QL1A đến hồ Sắc Tứ)	1.790.000	
16	Đường Nguyễn Huệ, thị trấn Ái Tử: Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Trần Hữu Dực)	2.000.000	
17	Đường Đoàn Bá Thừa, thị trấn Ái Tử; hạng muc: Thảm nhựa nền đường	800.000	
18	Hệ thống Đèn trang trí cầu An Mô	1.000.000	
19	Nâng cấp Nghĩa Trang Liệt sỹ xã Triệu Thành (khu cực Cổ Thành)	500.000	
C	**Đường Trần Phú**	**1.900.000**	

- Vốn sắp xếp nhà đất: 4.000 triệu đồng;

	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn tăng *(ĐVT: 1.000đ)*	Ghi chú
	Chợ Bồ Bản xã Triệu Phước	4.000.000	*Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn*

Cơ cấu nguồn vốn giảm: 34.440 triệu đồng;

Trong đó: - Vốn XD CB TT: 5.100 triệu đồng;

- Vốn thu tiền sử dụng đất: 25.340 triệu đồng
- Vốn xắp xếp nhà đất (dự phòng): 4.000 triệu đồng

Chi tiết như sau:

- Vốn XD CB TT: 5.100 triệu đồng;

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn giảm *(ĐVT: 1.000đ)*	Ghi chú
	Tổng cộng	**5.100.000**	
1	Hỗ trợ nâng cấp trụ sở các cơ quan, các xã, thị trấn	100.000	
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng huyện và các xã về đích XD NTM, NTM kiểu mẫu trong giai đoạn	5.000.000	

- Vốn thu tiền sử dụng đất: 25.340 triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn giảm *(ĐVT: 1.000đ)*	Ghi chú
	Tổng cộng	**25.340.000**	
	Dự phòng	**1.780.000**	
1	**Thị trấn Ái Tử:**	**3.000.000**	
1.1	Hệ thống thoát nước thị trấn Ái Tử	800.000	
1.2	Sân, cổng tường rào nhà VH (Tk 1,2,4,6); Điều chỉnh cho Nâng cấp nhà văn hóa TK1	500.000	
1.3	Hệ thống vĩa hè cây xanh thị trấn Ái Tử (chỉ điều chỉnh giảm vốn đấu đất còn vốn sắp xếp nhà đất giữ nguyên)	1.700.000	
2	**Xã Triệu Giang**	**1.100.000**	
2.1	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT các thôn xã Triệu Giang	500.000	
2.2	Cổng tường rào Nhà văn hóa các thôn xã Triệu Giang (Phú Mỹ Kiên)	600.000	
3	**Xã Triệu Hòa**	**960.000**	
3.1	Bê tông hóa đường GTNT các thôn xã Triệu Hòa	960.000	
4	**Xã Triệu Thành**	**1.000.000**	
4.1	Sửa chữa trụ sở làm việc	1.000.000	
5	**Xã Triệu Long**	**500.000**	
5.1	Công trình nâng cấp nước sạch tập trung	500.000	
6	**Xã Triệu Trạch**	**1.000.000**	
6.1	Đường GTNT các thôn xã Triệu Trạch	1.000.000	
7	**Xã Triệu Phước**	**4.000.000**	
7.1	Chợ Bồ Bản, xã Triệu Phước (điều chỉnh nguồn vốn từ đấu đất sang nguồn sắp xếp nhà đất)	4.000.000	
8	**Xã Triệu Thuận**	**1.400.000**	
8.1	Xây dựng đường GTNT các thôn xã Triệu Thuận	900.000	
8.2	Nâng cấp sân văn hóa TDTD xã	500.000	
9	**Xã Triệu Đại**	**1.400.000**	
9.1	Đường GTNT thôn Quảng Điền	600.000	
9.2	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Quảng Lượng	600.000	
9.3	Xây dựng khu vui chơi cho người già và trẻ em tại Thôn Quảng Lượng	200.000	
10	**Xã Triệu Sơn**	**500.000**	
10.1	Sửa chữa nâng cấp chợ cạn xã Triệu Sơn	500.000	
11	**Xã Triệu Tài**	**1.200.000**	
11.1	Đường GTNT các thôn xã Triệu Tài	900.000	
11.2	Sân văn hóa TDTT thôn An Hưng	300.000	

12	**Xã Triệu Trung**	**1.500.000**	
12.1	Đường GTNT các thôn xã Triệu Trung	1.000.000	
12.2	Nâng cấp nhà văn hóa Ngô Xá - Thanh Lê	500.000	
13	**Xã Triệu An**	**1.500.000**	
13.1	Hỗ trợ đầu tư nhà văn hóa các thôn (giảm vốn để bố trí cho Ct: Nhà văn hóa thôn An Xuân, xã Triệu An)	1.000.000	
13.2	Nâng cấp các trường học	500.000	
14	**Xã Triệu Lăng**	**2.500.000**	
14.1	Nâng cấp các trường học	1.000.000	
14.2	Hỗ trợ đầu tư nhà văn hóa các thôn xã Triệu Lăng	500.000	
14.3	Đường GTNT các thôn xã Triệu Lăng	1.000.000	
15	**Xã Triệu Vân**	**2.000.000**	
15.1	Hỗ trợ đầu tư nhà văn hóa các thôn xã Triệu Vân	1.000.000	
15.2	Đường GTNT các thôn xã Triệu Vân	1.000.000	

Lý do điều chỉnh

- Trên cơ sở nguyên tắc phân bổ vốn thu tiền sử dụng đất (đấu đất tại địa phương nào thì phần bổ lại để thực hiện đầu tư cở sở hạ tầng cho địa phương đó theo tỷ lệ) Đối với các xã đã thực hiện đấu giá đất tính dự kiến năm 2024 vượt so với kế hoạch vốn trong KH vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 thì phải điều chỉnh bổ sung danh mục dự án dẫn đến điều chỉnh bổ sung tăng vốn.

- Điều chỉnh giảm vốn: Trước mắt để thực hiện ưu tiên đảm bảo cho các danh mục bổ sung, điều chỉnh cho KH năm 2024 và trên cơ sở tình hình đấu giá đất của các địa phương, trước mắt UBND huyện điều chỉnh giảm danh mục dự án và kế hoạch vốn đối với các địa phương dự kiến không thức hiện đấu giá đất, còn nếu các địa phương tổ chức đấu giá được và tạo nguồn thu từ tiền sử dụng đất, UBND huyện sẽ cân đối trình xin bổ sung danh mục trong kế hoạch tới.

Các nội dung khác tại Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Triệu Phong và Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 của HĐND huyện Triệu Phong về việc phê chuẩn điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ngân sách huyện) không thay đổi.

Trên đây là điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, giai đoạn 2021 – 2025. UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua để UBND huyện có cở sở triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT;
- CPVP UBND huyện;
- Lưu VTUB,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phan Văn Linh

BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021-2025 (VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện Triệu Phong)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư dự kiến						Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Cơ cấu nguồn vốn					Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	
			Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	NS xã, nhân dân đóng góp	Hỗ trợ khác, vốn SN, sắp xếp nhà đất															
	Kế hoạch năm 2022-2025							**246.693,0**	**182.200,0**	**41.712,0**	**33.281,0**	**25.340,0**	**5.100,0**	**4.000,0**	**23.560,0**	**5.100,0**	-	**262.473,0**	**183.480,0**	**41.712,0**	**37.281,0**	-
	Kế hoạch năm 2021						-	**32.035,0**	**27.000,0**	**5.035,0**	-							**32.035,0**	**27.000,0**	**5.035,0**	-	
a	**Bố trí các công trình hoàn thành, chuyển tiếp, công trình đã quyết toán giai đoạn trước sang giai đoạn 2021-2025**							**5.920,0**	**5.400,0**	**520,0**								**5.920,0**	**5.400,0**	**520,0**	-	
b	**Công trình XD mới năm 2021**																					
	Giao thông																	-	-	-	-	
1	Đường Lý Thái Tổ, thị trấn Ái Tử	1.100,0	1.100,0	-				1.100,0	1.100,0	-								1.100,0	1.100,0	-	-	
2	Đường Hoàng Thị Ái, thị trấn Ái Tử	1.000,0	1.000,0					1.000,0	1.000,0	-								1.000,0	1.000,0	-	-	
3	Đường Lê Quý Đôn, thị trấn Ái Tử	1.000,0	1.000,0					1.000,0	1.000,0	-								1.000,0	1.000,0	-	-	
4	Đường GTNT xã Triệu Long	2.000,0	1.000,0			1.000,0		1.000,0	1.000,0	-								1.000,0	1.000,0	-	-	
5	Đường GTNT thôn xã Triệu Độ	800,0	720,0			80,0		720,0	720,0	-								720,0	720,0	-	-	
6	Bê tông hóa Đường giao thông khu đất xóm Tiêu, thôn Cổ Thành	500,0	500,0					500,0	500,0	-								500,0	500,0	-	-	
7	Đường giao thông NT xã Triệu Thuận	1.000,0	500,0			500,0		500,0	500,0	-								500,0	500,0	-	-	
	Văn hóa, TDTT							-										-	-	-	-	
8	Sân tường rào nhà văn hóa Tam Hữu, xã Triệu Trung	110,0	110,0					110,0	110,0	-								110,0	110,0	-	-	
9	Nâng cấp Nhà văn hóa thôn Hà My, xã Triệu Hòa	800,0	800,0					800,0	800,0	-								800,0	800,0	-	-	
10	Nâng cấp nhà văn hóa Lưu Nghĩa, xã Triệu Long	300,0	180,0			120,0		180,0	180,0	-								180,0	180,0	-	-	
11	Nhà văn hóa Thôn Đùng Hói Bàu và Cồn Bồi Kiệt xã Triệu Long	1.000,0	600,0			400,0		600,0	600,0	-								600,0	600,0	-	-	
12	Nâng cấp nhà văn hóa xã Triệu Trung	1.500,0	1.000,0	500,0				1.500,0	1.000,0	500,0								1.500,0	1.000,0	500,0	-	
13	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa thiếu nhi huyện	800,0	-	800,0		-		800,0	-	800,0								800,0	-	800,0	-	
14	Nâng cấp sửa chữa nhà thi đấu huyện	490,0	190,0	300,0				490,0	190,0	300,0								490,0	190,0	300,0	-	
	Trụ sở							-										-	-	-	-	
15	Trụ sở Phòng LĐ-TB&XH huyện; Hạng mục: Nâng cấp Trụ sở phần nhà cũ	275,0	-	275,0				275,0	-	275,0								275,0	-	275,0	-	
16	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Phòng Tài nguyên & MT huyện (khối nhà phía sau Phòng Kinh tế & Hạ tầng sử dụng)	400,0		400,0				400,0		400,0								400,0	-	400,0	-	
17	Nâng cấp sửa chữa trụ sở UBND xã Triệu Trạch	1.200,0	700,0	500,0				1.200,0	700,0	500,0								1.200,0	700,0	500,0	-	
18	Nhà làm việc của bộ phận một cửa xã Triệu Sơn	500,0	-	500,0				500,0	-	500,0								500,0	-	500,0	-	
19	Nhà làm việc của bộ phận một cửa xã Triệu An	500,0	-	500,0				500,0	-	500,0								500,0	-	500,0	-	
20	Mở rộng hội trường Trung tâm học tập cộng đồng xã Triệu Thành và cổng tường rào trụ sở làm việc	700,0	700,0			-		700,0	700,0	-								700,0	700,0	-	-	
21	Sửa chữa phòng làm việc công an các xã (GĐ 2- Giang, Sơn, Thuận, Độ, Văn, Phước)	740,0		740,0				740,0	-	740,0								740,0	-	740,0	-	
	Giáo dục							-										-	-	-	-	
22	Trường Tiểu học Triệu Thành; hạng mục: Xây dựng mới nhà hiệu bộ	1.800,0	1.800,0					1.800,0	1.800,0	-								1.800,0	1.800,0	-	-	
23	Cải tạo phần mái và chống thấm trường Tiểu học Triệu Thành (khu vực Bích La)	350,0	350,0					350,0	350,0	-								350,0	350,0	-	-	
	Điện chiếu sáng							-										-	-	-	-	
24	Điện chiếu sáng đường Hai Bà Trưng	300,0	300,0					300,0	300,0	-								300,0	300,0	-	-	
	Nghĩa trang và di tích lịch sử							-										-	-	-	-	
26	Nâng cấp NTLS xã Triệu Thuận	500,0	500,0					500,0	500,0	-								500,0	500,0	-	-	
27	Nâng cấp, cải tạo nghĩa trang Liệt sỹ xã Triệu Thành	500,0	500,0					500,0	500,0	-								500,0	500,0	-	-	
28	Cải tạo, nâng cấp Bia di tích nơi thành lập chi bộ đầu tiên (thôn An Tiêm, xã Triệu Thành)	500,0	500,0					500,0	500,0	-								500,0	500,0	-	-	

TT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư dự kiến						Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Cơ cấu nguồn vốn					Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	
			Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	NS xã, nhân dân đóng góp	Hỗ trợ khác, vốn SN, sắp xếp nhà đất															
	Quy hoạch							-										-	-	-	-	
29	Cắm mốc ranh giới quy hoạch, mốc tim đường giao thông Quy hoạch chi tiết các Tiểu khu, thị trấn Ái Tử	700,0	700,0					700,0	700,0	-								700,0	700,0	-	-	
30	Cắm mốc ranh giới quy hoạch, mốc tim đường giao thông Quy hoạch chi tiết Khu dân cư thôn Lệ Xuyên xã Triệu Trạch	500,0	500,0					500,0	500,0	-								500,0	500,0	-	-	
31	Quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Ái Tử, xã Triệu Ái	650,0	650,0					650,0	650,0	-								650,0	650,0	-	-	
32	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Triệu Phong năm 2021	3.000,0	3.000,0					3.000,0	3.000,0	-								3.000,0	3.000,0	-	-	
33	Trích ngân sách huyện theo Nghị Quyết số: 17/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh Quảng Trị và thực hiện nhiệm vụ khác	2.700,0	2.700,0					2.700,0	2.700,0	-								2.700,0	2.700,0	-	-	
	Đầu tư trên địa bàn huyện							**86.592,0**	**34.434,0**	**32.377,0**	**19.781,0**	**2.000,0**	**5.100,0**	-	-	**5.100,0**	-	**88.592,0**	**36.434,0**	**32.377,0**	**19.781,0**	
1	Hạ tầng Cụm công nghiệp huyện Triệu Phong	2.000,0		2.000,0				2.000,0		2.000,0								2.000,0	-	2.000,0	-	
2	Hỗ trợ nâng cấp sửa chữa trụ sở của các cơ quan, các xã, thị trấn	4.500,0		4.500,0				2.461,1	-	2.461,1	-					100,0		2.361,1	-	2.361,1	-	
2.1	Hệ thống họp trực tuyến Huyện ủy, UBND huyện đến Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn	1.618,9	1.400,0	218,9				1.618,9	1.400,0	218,9	-							1.618,9	1.400,0	218,9	-	
2.2	Nâng cấp hệ thống điện, mạng và các hạng mục khác phục vụ hệ thống Tabmic phòng Tài chính-KH huyện	320,0		320,0				320,0	-	320,0	-							320,0	-	320,0	-	
2.3	Xây dựng nhà làm việc bộ phận một cửa UBND xã Triệu Vân	700,0		700,0				700,0	-	700,0	-							700,0	-	700,0	-	
2.4	Mở rộng khuôn viên trụ sở Huyện ủy Triệu Phong	1.000,0		1.000,0				1.000,0	-	1.000,0	-							1.000,0	-	1.000,0	-	
2.5	**Trung tâm Môi trường & Đô thị huyện; hạng mục nâng cấp sân nền**	**100,0**		**100,0**									**100,0**					**100,0**	-	**100,0**	-	
3	Đối ứng các công trình tỉnh hỗ trợ đầu tư	9.792,0		9.792,0				3.070,0	-	3.070,0	-							3.070,0	-	3.070,0	-	
3.1	Đường trục chính khu dân cư Hữu Niên A, thôn Hữu Hòa, xã Triệu Hòa	4.400,0	800,0	600,0	3.000,0			1.310,0	800,0	510,0	-							1.310,0	800,0	510,0	-	
3.2	Trường THPT Triệu Phong; hạng mục: Nhà chức năng, nhà học lý thuyết và thực hành	10.000,0		2.000,0	8.000,0			1.212,0	-	1.212,0	-							1.212,0	-	1.212,0	-	
3.3	Trường Tiểu học & THCS Triệu Độ, huyện Triệu Phong	5.000,0		500,0	4.500,0			500,0	-	500,0	-							500,0	-	500,0	-	
3.4	Trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm; hạng mục: Nhà 2 tầng 06 phòng học	4.000,0		500,0	3.500,0			500,0	-	500,0	-							500,0	-	500,0	-	
3.5	Trường Mầm non Triệu Giang; hạng mục: Nhà 02 tầng 06 phòng học	4.000,0		500,0	3.500,0			500,0	-	500,0	-							500,0	-	500,0	-	
3.6	Trường Mầm non Triệu Sơn; hạng mục: Nhà 02 tầng 06 phòng học	4.000,0	-	500,0	3.500,0			500,0	-	500,0	-							500,0	-	500,0	-	
3.7	Trường TH & THCS Triệu Độ; hạng mục: Nhà 02 tầng 04 phòng học	2.200,0		600,0			1.600,0	600,0	-	600,0	-							600,0	-	600,0	-	
3.8	Trường TH & THCS Triệu Đại; hạng mục: Nhà 02 phòng học	1.500,0		300,0	1.200,0			300,0	-	300,0	-							300,0	-	300,0	-	
3.9	Trường TH & THCS Triệu Tài; hạng mục: Nhà 02 phòng học	1.500,0		300,0	1.200,0			300,0	-	300,0	-							300,0	-	300,0	-	
3.10	Trường THCS Triệu An; hạng mục: Nhà 02 phòng học	3.500,0		500,0	3.000,0			500,0	-	500,0	-							500,0	-	500,0	-	
3.11	Trường Mầm non Triệu Long; hạng mục: Nhà 02 tầng 06 phòng học	4.500,0		700,0	3.800,0			700,0	-	700,0	-							700,0	-	700,0	-	
3.12	Trường Mầm non Triệu Phước huyện Triệu Phong	1.952,0		600,0			1.352,0	600,0	-	600,0	-							600,0	-	600,0	-	
4	**Hỗ trợ đầu tư xây dựng huyện và các xã về đích NTM, nông thôn mới kiểu mẫu trong giai đoạn**	**15.000,0**		**15.000,0**				**8.570,0**	-	**8.570,0**	-					**5.000,0**		**3.570,0**	-	**3.570,0**	-	
4.1	Hỗ trợ xã XD NTM nâng cao Triệu Đại							-	-	-	-							-	-	-	-	
	Đường GTNT Thôn Quảng Điền xã Triệu Đại	285,0	200,0			85,0		200,0	200,0	-	-							200,0	200,0	-	-	

TT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư dự kiến						Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Cơ cấu nguồn vốn					Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	
			Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	NS xã, nhân dân đóng góp	Hỗ trợ khác, vốn SN, sắp xếp nhà đất															
	Đường GTNT Thôn Đại Hào xã Triệu Đại	200,0	140,0			60,0		140,0	140,0	-	-							140,0	140,0	-	-	
	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Lương Tài Xá xã Triệu Đại	430,0	300,0			130,0		300,0	300,0	-	-							300,0	300,0	-	-	
	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đại Hòa xã Triệu Đại	430,0	300,0			130,0		300,0	300,0	-	-							300,0	300,0	-	-	
	Hỗ trợ xây dựng sân TDTT xã; hạng mục: San nền, lễ đài	500,0	500,0					500,0	500,0	-	-							500,0	500,0	-	-	
4.2	Hỗ trợ xã XD NTM nâng cao Trạch							-	-	-	-							-	-	-	-	
	Đường GTNT thôn Linh An, Vân tường xã Triệu Trạch	1.355,0	950,0			405,0		950,0	950,0	-	-							950,0	950,0	-	-	
	Đường GTNT thôn Long Quang xã Triệu Trạch	455,0	320,0			135,0		320,0	320,0	-	-							320,0	320,0	-	-	
4.3	Hỗ trợ xã XD NTM Triệu An							-	-	-	-							-	-	-	-	
	Mái vòm trường Mầm non Triệu An	177,5		142,0		35,5		142,0	-	142,0	-							142,0	-	142,0	-	
	Nâng cấp 04 phòng học Trường THCS Triệu An	356,3		285,0		71,3		285,0	-	285,0	-							285,0	-	285,0	-	
	Đường GTNT thôn Hà Tây, xã Triệu An	1.419,0		993,0		426,0		993,0	-	993,0	-							993,0	-	993,0	-	
4.4	Hỗ trợ xã XD NTM Triệu Lăng							-	-	-	-							-	-	-	-	
	Xây dựng cống thoát nước thải, ao xử lý nước thải từ các hồ nuôi trồng Thủy sản thải ra xã Triệu Lăng	457,5		366,0		91,5		366,0	-	366,0	-							366,0	-	366,0	-	
	Đường GTNT thôn 1, xã Triệu Lăng	822,9		576,0		246,9		576,0	-	576,0	-							576,0	-	576,0	-	
	Sân thể thao xã Triệu Lăng	297,5		238,0		59,5		238,0	-	238,0	-							238,0	-	238,0	-	
	Cơ sở hạ tầng thương mại xã Triệu Lăng	275,0		220,0		55,0		220,0	-	220,0	-							220,0	-	220,0	-	
4.5	Hỗ trợ xã XD NTM Triệu Vân							-	-	-	-							-	-	-	-	
	Đường GTNT thôn 7,8,9, xã Triệu Vân	1.142,9	190,0	610,0		342,9		800,0	190,0	610,0	-							800,0	190,0	610,0	-	
	Sửa chữa kè Khe Chung thôn 8, Nạo vét nắn dòng chảy Khe Chung, Sửa chữa công thoát nước giữa thôn 9 xã Triệu Vân	665,0	600,0			65,0		600,0	600,0	-	-							600,0	600,0	-	-	
4,6	Đối ứng XD huyện NTM							-	-	-	-							-	-	-	-	
	Đường ĐH.41 (đoạn từ thôn Linh An đi Chợ Cạn)	8.500,0		1.000,0	7.500,0			1.000,0	-	1.000,0	-							1.000,0	-	1.000,0	-	
	Nâng cấp đường ĐH46B (Đoạn từ ĐT.578b đến chợ Thuận)	15.558,0	-	1.000,0	14.558,0			1.000,0	-	1.000,0	-							1.000,0	-	1.000,0	-	
	Nâng cấp đường Đường ĐH.46C	4.500,0		1.000,0	3.500,0			1.000,0	-	1.000,0	-							1.000,0	-	1.000,0	-	
4,7	**Nâng cấp chợ Trung tâm thị trấn Ái Tử**	**500,0**	**500,0**									**500,0**						**500,0**	**500,0**	-	-	
4,8	**Trường Tiểu học Triệu Phước; hạng mục Nhà Đa Năng**	**1.000,0**	**1.000,0**									**1.000,0**						**1.000,0**	**1.000,0**	-	-	
4,9	**Quy hoạch khu dân cư xã Triệu Phước**	**500,0**	**500,0**									**500,0**						**500,0**	**500,0**	-	-	
	Cải tạo cảnh quan hồ Sắc Tứ	**25.000,0**		**5.000,0**	**20.000,0**								**5.000,0**					**5.000,0**		**5.000,0**		
5	Nhà văn hóa trung tâm huyện Triệu Phong	10.000,0					10.000,0	10.000,0	-		10.000,0							10.000,0	-	-	10.000,0	
6	Mở rộng đền thờ bác Hồ (Hà Xá, Triệu Ái)	1.500,0					1.500,0	1.500,0			1.500,0							1.500,0	-	-	1.500,0	
7	GPMB, xây dựng CSHT, cắm cọc phân lô các khu quy hoạch đất trên địa bàn thị trấn Ái Tử	10.000,0	10.000,0					10.000,0	10.000,0	-								10.000,0	10.000,0	-	-	
8	GPMB, xây dựng CSHT, cắm cọc phân lô các khu quy hoạch đất các xã trên địa bàn huyện	10.000,0	10.000,0					10.000,0	10.000,0	-								10.000,0	10.000,0	-	-	
9	Xây dựng cơ sở hạ tầng, phân lô khu dân cư Lệ Xuyên, xã Triệu Trạch	10.000,0	10.000,0					10.000,0	10.000,0									10.000,0	10.000,0	-	-	
10	Giải phóng mặt bằng và cơ sở hạ tầng khu tái định cư xóm vạn, thị trấn Ái Tử	10.000,0	3.000,0		7.000,0			3.000,0	3.000,0									3.000,0	3.000,0	-	-	
11	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	1.850,0	650,0	600,0			600,0	1.250,0	650,0	600,0								1.250,0	650,0	600,0	-	
12	Quy hoạch cụm công nghiệp Tây Triệu Phong	1.185,0	900,0	285,0				1.185,0	900,0	285,0								1.185,0	900,0	285,0	-	
13	Cắm cọc ranh giới các khu di tích văn hóa trên địa bàn huyện (giai đoạn 2)	250,0	250,0					250,0	250,0									250,0	250,0	-	-	

TT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư dự kiến						Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Cơ cấu nguồn vốn					Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	
			Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	NS xã, nhân dân đóng góp	Hỗ trợ khác, vốn SN, sắp xếp nhà đất															
14	Nâng cấp Đường ĐH 42 (đoạn từ Triệu An - Triệu Lăng)	15.000,0			9.000,0		6.000,0	6.000,0	-	-	6.000,0							6.000,0	-	-	6.000,0	
15	Công viên cây xanh tại trụ sở UBMT cũ	1.570,0	1.570,0					1.570,0	1.570,0	-	-							1.570,0	1.570,0	-	-	
16	Xây dựng trụ sở UBND xã Triệu Long	5.736,0			3.455,0		2.281,0	2.281,0	-	-	2.281,0							2.281,0	-	-	2.281,0	
17	Xây dựng trụ sở UBND xã Triệu Giang	4.728,0	2.364,0		2.364,0			2.364,0	2.364,0	-	-							2.364,0	2.364,0	-	-	
1	**Thị Trấn Ái Tử**							**71.600,0**	**64.300,0**	**4.300,0**	**13.500,0**	**7.990,0**	-	-	**3.000,0**	-	-	**87.090,0**	**69.290,0**	**4.300,0**	**13.500,0**	-
	Giao thông							-	-	-	-							-	-	-	-	
1	Đường Trường Chinh (T19)	12.000,0	8.000,0	1.000,0	3.000,0				8.000,0	1.000,0								9.000,0	8.000,0	1.000,0	-	
2	Đường Trương Công Kỉnh (Tk2)	1.500,0	1.500,0						1.500,0									1.500,0	1.500,0	-	-	
3	Đường Trường Chinh (T19), thị trấn Ái Tử đoạn đường tránh thị xã Quảng Trị đến Lý Thường Kiệt)	10.000,0	10.000,0					10.000,0	10.000,0	-	-							10.000,0	10.000,0	-	-	
4	Nâng cấp đường Trần Hữu Dực, thị trấn Ái Tử (Đoạn đường Lê Lợi đến Nguyễn Hoàng)	1.250,0	1.250,0					1.250,0	1.250,0	-	-							1.250,0	1.250,0	-	-	
5	Đường Trần Phú, thị trấn Ái Tử	12.400,0	12.400,0					10.500,0	10.500,0	-	-	1.900,0						12.400,0	12.400,0	-	-	
6	Đường Hồng Chương, thị trấn Ái Tử	7.000,0	7.000,0					7.000,0	7.000,0	-	-							7.000,0	7.000,0	-	-	
7	**Đường Hà Huy Tập (Đoạn Trường Chinh - Thạch Hãn)**	**1.000,0**	**1.000,0**					**1.000,0**	**1.000,0**									**1.000,0**	**1.000,0**	-	-	
8	Đường Nguyễn Quang Xá, Thị trấn Ái Tử	1.500,0	1.500,0					1.500,0	1.500,0									1.500,0	1.500,0	-	-	
9	Đối ứng Hệ thống giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các vùng trọng điểm kinh tế của huyện Triệu Phong	140.000,0	17.700,0	2.300,0	120.000,0			5.300,0	3.000,0	2.300,0								5.300,0	3.000,0	2.300,0	-	
10	Đường Nguyễn Thị Lý, thị trấn Ái Tử (giai đoạn 2)	1.000,0	1.000,0					1.000,0	1.000,0	-	-							1.000,0	1.000,0	-	-	
11	Đường Trần Hữu Dực (đoạn từ Đinh Tiên Hoàng đến Trần Hưng Đạo)	3.800,0	3.800,0					3.800,0	3.800,0	-	-							3.800,0	3.800,0	-	-	
12	**Đường Nguyễn Huệ: Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước (đoạn từ Nguyễn Hoàng đến Trần Hữu Dực)**	**2.000,0**	**2.000,0**									**2.000,0**						**2.000,0**	**2.000,0**	-	-	
	Đường Đoàn Bá Thừa; hạng mục: Tham nhựa nền đường	**800,0**	**800,0**									**800,0**						**800,0**	**800,0**			
13	**Đường Đinh Tiên Hoàng: Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước (đoạn từ QL1A đến hồ Sắc Tứ)**	**1.790,0**	**1.790,0**									**1.790,0**						**1.790,0**	**1.790,0**	-	-	
	Hệ cấp, thoát nước	-						-	-	-	-							-	-	-	-	
14	Hệ thống cấp nước sạch giai đoạn 3 (các tuyến đường còn lại)	2.000,0	2.000,0					2.000,0	2.000,0									2.000,0	2.000,0	-	-	
15	Hệ thống thoát nước thị trấn Ái Tử	2.000,0	2.000,0					800,0	800,0	-	-				800,0			-	-	-	-	
	Hệ thống thoát nước đường Đoàn Bá Thừa và Lê Thế Tiết	1.200,0	1.200,0					1.200,0	1.200,0	-	-							1.200,0	1.200,0	-	-	
	Giáo dục	-						-										-	-	-	-	
16	Nhà hiệu bộ trường Tiểu học thị trấn Ái Tử	1.500,0	1.500,0					1.500,0	1.500,0									1.500,0	1.500,0	-	-	
17	Trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm; hạng mục: Nâng cấp, mở rộng phòng học	1.400,0	1.400,0					1.400,0	1.400,0									1.400,0	1.400,0	-	-	
	Văn hóa	-						-	-	-	-							-	-	-	-	
18	Cải tạo cảnh quan hồ Sắc Tứ, thị trấn Ái Tử; Hạng mục: GPMB và đường giao thông	1.000,0					1.000,0	1.800,0	800,0	1.000,0	-							1.800,0	800,0	1.000,0	-	
19	Khu vui chơi TDTT trẻ em thị trấn (Tiểu khu 6)	1.000,0	1.000,0					1.000,0	1.000,0									1.000,0	1.000,0	-	-	
20	**Sân cổng trường rào nhà VH (Tk1,2,4,6)**	**1.500,0**	**1.500,0**					**900,0**	**900,0**	-	-				**500,0**			**400,0**	**400,0**	-	-	
21	Sân cổng trường rào nhà VH TK4, thị trấn Ái Tử	600,0	600,0					600,0	600,0									600,0	600,0	-	-	
22	**Sân cổng trường rào nhà VH TK1, thị trấn Ái Tử**	**500,0**	**500,0**									**500,0**						**500,0**	**500,0**	-	-	
	Trụ sở	-						-										-	-	-	-	
23	Nâng cấp trụ sở công an thị trấn Ái Tử	150,0	150,0					150,0	150,0									150,0	150,0	-	-	

TT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư dự kiến						Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Cơ cấu nguồn vốn					Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	
			Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	NS xã, nhân dân đóng góp	Hỗ trợ khác, vốn SN, sắp xếp nhà đất															
	Kiến thiết thị chính và thực hiện đề án phát triển thị trấn	-						-	-	-	-							-	-	-	-	
24	**Hệ thống vỉa hè, cây xanh thị trấn Ái Tử**	**18.900,0**	**5.400,0**				**13.500,0**	**15.200,0**	**1.700,0**	-	**13.500,0**				**1.700,0**			**13.500,0**	-	-	**13.500,0**	
25	Nâng cấp đường Trần Hưng Đạo và đường Nguyễn Du, thị trấn Ái Tử	3.700,0	3.700,0					3.700,0	3.700,0	-	-							3.700,0	3.700,0	-	-	
26	**Hệ thống Đèn trang trí cầu An Mô**	**1.000,0**	**1.000,0**									**1.000,0**						**1.000,0**	**1.000,0**	-	-	
2	**Xã Triệu Ái**							**3.200,0**	**3.200,0**	-	-	-	-	-	-	-		**3.200,0**	**3.200,0**	-	-	
	Giao thông							-	-	-	-							-	-	-	-	
1	Đường GTNT các thôn xã Triệu Ái	2.000,0	1.000,0			1.000,0		-	-	-	-							-	-	-	-	
2	Đường GT liên thôn Ái Tử, xã Triệu Ái	700,0	600,0			100,0		600,0	600,0	-	-							600,0	600,0	-	-	
3	Kiên cố hóa đường GTNT các thôn xã Triệu Ái năm 2023	1.200,0	600,0			600,0		600,0	600,0	-	-							600,0	600,0	-	-	
	Kênh mương							-										-	-	-	-	
4	Kênh mương nội đồng các thôn xã Triệu Ái	1.000,0	500,0			500,0		500,0	500,0									500,0	500,0	-	-	
	Văn hóa							-										-	-	-	-	
5	Nâng cấp sân VH TDTT xã Triệu Ái	300,0	300,0				-	300,0	300,0									300,0	300,0	-	-	
6	Nâng cấp nghĩa trang Liệt sỹ							-										-	-	-	-	
7	Nâng cấp nghĩa trang Liệt sỹ xã Triệu Ái	500,0	300,0				200,0	300,0	300,0									300,0	300,0	-	-	
	Quy hoạch khu dân cư	-						-										-	-	-	-	
8	Quy hoạch khu dân cư xã Triệu Ái	900,0	900,0					900,0	900,0									900,0	900,0	-	-	
3	**Xã Triệu Thượng**							**2.080,0**	**2.080,0**	-	-	-	-	-	-	-		**2.080,0**	**2.080,0**	-	-	
1	Bê tông hóa đường GTNT các thôn xã Triệu Thượng	2.000,0	1.000,0			1.000,0		1.000,0	1.000,0									1.000,0	1.000,0	-	-	
	Văn hóa							-										-	-	-	-	
2	Nâng cấp cơ sở vật chất văn hóa xã Triệu Thượng	1.200,0	1.080,0			120,0		1.080,0	1.080,0									1.080,0	1.080,0	-	-	
4	**Xã Triệu Giang**							**1.100,0**	**1.100,0**	-	-	-	-	-	**1.100,0**	-	-	-	-	-	-	
	Giao thông																	-	-	-	-	
4,1	**Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT các thôn xã Triệu Giang**	**1.000,0**	**500,0**			**500,0**		**500,0**	**500,0**						**500,0**			-	-	-	-	
	Văn hóa							-										-	-	-	-	
4,2	**Cổng tường rào Nhà văn hóa các thôn xã Triệu Giang (Phú Mỹ Kiên)**	**1.000,0**	**600,0**			**400,0**		**600,0**	**600,0**						**600,0**			-	-	-	-	
5	**Xã Triệu Hòa**						-	**1.960,0**	**1.960,0**	-	-	**1.350,0**	-	-	**960,0**	-	-	**2.350,0**	**2.350,0**	-	-	
5,1	**Bê tông hóa đường GTNT các thôn xã Triệu Hòa**	**960,0**	**960,0**					**960,0**	**960,0**						**960,0**			-	-	-	-	
5,2	**Đường GTNT thôn An Lộng, xã Triệu Hoà**	**1.000,0**	**1.060,0**									**1.000,0**						**1.000,0**	**1.000,0**	-	-	
	Văn hóa	-						-										-	-	-	-	
5,3	Sân Văn hóa – Thể dục thể thao thôn Văn Hòa	500,0	500,0					500,0	500,0									500,0	500,0	-	-	
	Thương mại dịch vụ							-										-	-	-	-	
5,4	Điểm TM-DV thôn An Lộng	500,0	500,0					500,0	500,0									500,0	500,0	-	-	
	Kênh mương	-																-	-	-	-	
5,5	**Kiên cố hoá kênh mương thôn Văn Hoà, xã Triệu Hoà**	**500,0**	**350,0**			**150,0**						**350,0**						**350,0**	**350,0**	-	-	
6	**Xã Triệu Thành**						-	**8.450,0**	**8.450,0**	-	-	**2.000,0**	-	-	**1.000,0**	-	-	**9.450,0**	**9.450,0**	-	-	
	Giao thông							-										-	-	-	-	
6,1	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT các thôn xã Triệu Thành	3.600,0	3.600,0					3.600,0	3.600,0									3.600,0	3.600,0	-	-	
	Văn hóa							-	-	-	-							-	-	-	-	
6,2	Nâng cấp, sửa chữa nhà Văn hóa cộng đồng các thôn xã Triệu Thành (Nại cửu, Bích Trung Nam)	1.150,0	1.100,0			50,0				-	-							-	-	-	-	
6,3	Nâng cấp nhà văn hóa Bích Trung Nam, xã Triệu Thành	900,0	850,0			50,0		850,0	850,0	-	-							850,0	850,0	-	-	
6,4	Nâng cấp nhà văn hóa Nại Cửu, xã Triệu Thành	250,0	250,0					200,0	200,0	-	-							200,0	200,0	-	-	
6,5	Điểm Văn hóa TDTT thôn Bích La Đông xã Triệu Thành	400,0	400,0					400,0	400,0	-	-							400,0	400,0	-	-	

TT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư dự kiến						Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Cơ cấu nguồn vốn					Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	
			Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	NS xã, nhân dân đóng góp	Hỗ trợ khác, vốn SN, sắp xếp nhà đất															
6,6	**Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng thôn Bích La Đông**	**800,0**	**800,0**									**800,0**						**800,0**	**800,0**	-	-	
6,7	**Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng thôn An Tiêm**	**700,0**	**700,0**									**700,0**						**700,0**	**700,0**	-	-	
	Trường học							-	-	-	-							-	-	-	-	
6,8	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học	800,0	800,0					700,0	700,0	-	-							700,0	700,0	-	-	
6,9	Sửa chữa trường Mầm non	500,0	500,0					500,0	500,0									500,0	500,0	-	-	
	Trụ sở							-										-	-	-	-	
6,10	Sửa chữa trụ sở làm việc	1.500,0	1.500,0					1.500,0	1.500,0						1.000,0			500,0	500,0	-	-	
	Hệ thống thoát nước							-										-	-	-	-	
6,11	Hệ thống thoát nước khu dân cư	700,0	700,0					700,0	700,0									700,0	700,0	-	-	
	Khác																	-	-	-	-	
6,12	**Nâng cấp Nghĩa Trang Liệt sỹ xã Triệu Thành (khu vực Cổ Thành)**	**500,0**	**500,0**									**500,0**						**500,0**	**500,0**	-	-	
7	**Xã Triệu Long**						-	**3.500,0**	**3.500,0**	-	-	-	-	-	**500,0**	-	-	**3.000,0**	**3.000,0**	-	-	
	Giao thông							-	-	-	-							-	-	-	-	
1	Đường GTNT các thôn xã Triệu Long	4.200,0	2.100,0			2.100,0		1.100,0	1.100,0	-	-							1.100,0	1.100,0	-	-	
	Văn hóa							-	-	-	-							-	-	-	-	
2	Xây mới NVH An Định	500,0	300,0			200,0		-	-	-	-							-	-	-	-	
3	Xây mới NVH Bích Lộc Triều	500,0	300,0			200,0		-	-	-	-							-	-	-	-	
	Nhà văn hóa thôn An Định, Bích Khê, xã Triệu Long; hạng mục: Cổng tường rào, nhà vệ sinh	400,0	400,0					400,0	400,0	-	-							400,0	400,0	-	-	
	Nâng cấp Nhà văn hóa các thôn xã Triệu Long	500,0	500,0					500,0	500,0	-	-							500,0	500,0	-	-	
	Kênh mương							-										-	-	-	-	
	Kênh mương nội đồng xã	2.000,0	1.000,0			1.000,0		1.000,0	1.000,0									1.000,0	1.000,0	-	-	
	Công trình nước sạch tập trung							-										-	-	-	-	
	Công trình nước sạch tập trung	**500,0**	**500,0**					**500,0**	**500,0**						**500,0**			-	-	-	-	
8	**Xã Triệu Trạch**						-	**4.000,0**	**4.000,0**	-	-	**1.000,0**	-	-	**1.000,0**	-	-	**4.000,0**	**4.000,0**	-	-	
	Giao thông							-	-	-	-							-	-	-	-	
1	**Đường GTNT các thôn xã Triệu Trạch**	**2.200,0**	**2.200,0**					**1.200,0**	**1.200,0**	-	-				**1.000,0**			**200,0**	**200,0**	-	-	
	Đường GTNT các thôn xã Triệu Trạch năm 2023							1.000,0	1.000,0	-	-							1.000,0	1.000,0	-	-	
	Đường GTNT các thôn xã Triệu Trạch năm 2024											**1.000,0**						**1.000,0**	**1.000,0**	-	-	
	Văn hóa							-										-	-	-	-	
2	Xây dựng mới NVH thôn Lệ Xuyên	1.000,0	900,0			100,0		900,0	900,0									900,0	900,0	-	-	
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà NVH Thôn Đồng Tâm	200,0	200,0					200,0	200,0									200,0	200,0	-	-	
	Trường học							-										-	-	-	-	
4	Trường THCS Triệu Trạch; hm: Xây mới nhà hiệu bộ	500,0	500,0					500,0	500,0									500,0	500,0	-	-	
5	Trường tiểu học Triệu Trạch; hm: Cải tạo các phòng học trường tiểu học Triệu Trạch (khu vực II)	200,0	200,0					200,0	200,0									200,0	200,0	-	-	
9	**Xã Triệu Độ**							**3.476,0**	**3.476,0**	-	-	**2.500,0**	-	-	-	-	-	**5.976,0**	**5.976,0**	-	-	
	Giao thông							-	-	-	-							-	-	-	-	
1	Đường GTNT thôn Gia Độ	734,0	700,0			34,0		-	-	-	-							-	-	-	-	
2	Đường GTNT thôn Tân Liêm	760,0	600,0				160,0	-	-	-	-							-	-	-	-	
3	Đường GTNT thôn An Lợi	300,0	300,0					-	-	-	-							-	-	-	-	
4	Đường GTNT thôn An Trung Đồng	400,0	400,0					-	-	-	-							-	-	-	-	
	Đường GTNT xã Triệu Độ năm 2022	1.150,0	1.150,0					1.150,0	1.150,0	-	-							-	-	-	-	
	Đường GTNT xã Triệu Độ năm 2023	1.100,0	1.100,0					1.100,0	1.100,0	-	-							1.150,0	1.150,0	-	-	
	Đường GTNT xã Triệu Độ năm 2024	**1.000,0**	**1.000,0**									**1.000,0**						1.100,0	1.100,0	-	-	
	Kênh mương							-	-	-	-							**1.000,0**	**1.000,0**	-	-	
5	Kiên cố hóa kênh mương xã Triệu Độ năm 2023	700,0	700,0					726,0	726,0	-	-							-	-	-	-	
	Kiên cố hóa kênh mương xã Triệu Độ năm 2024	**1.000,0**	**1.000,0**									**1.000,0**						726,0	726,0	-	-	
	Văn hóa							-	-	-	-							**1.000,0**	**1.000,0**	-	-	
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Liêm	1.100,0	1.000,0				100,0	500,0	500,0	-	-							-	-	-	-	
	Trường học	-																500,0	500,0	-	-	
																		-	-	-	-	

TT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư dự kiến						Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Cơ cấu nguồn vốn					Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất*	
			Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	NS xã, nhân dân đóng góp	Hỗ trợ khác, vốn SN, sắp xếp nhà đất															
	Nâng cấp trường Mầm non Triệu Độ (khu vực Giáo Liêm); hạng mục: Nâng cấp sân và nhà vệ sinh	**500,0**	**500,0**									**500,0**						**500,0**	**500,0**	-	-	
10	**Xã Triệu Phước**							**11.000,0**	**11.000,0**	-	-	**2.500,0**	-	**4.000,0**	**4.000,0**	-	-	**13.000,0**	**9.000,0**	-	**4.000,0**	
	Trụ sở							-	-	-	-							-	-	-	-	
1	Nhà làm việc một cửa xã Triệu Phước	500,0	500,0					500,0	500,0	-	-							500,0	500,0	-	-	
2	Nâng cấp trụ sở UBND Triệu Phước	500,0	500,0					500,0	500,0			500,0						500,0	500,0	-	-	
	Văn hóa							-										-	-	-	-	
3	Sân thể thao xã	300,0	300,0					300,0	300,0									300,0	300,0	-	-	
	Nâng cấp Trung tâm văn hoá xã Triệu Phước	**500,0**	**500,0**									**500,0**						**500,0**	**500,0**	-	-	
	Nhà văn hoá Thôn Vĩnh Lại, xã Triệu Phước	**1.500,0**	**1.500,0**									**1.500,0**						**1.500,0**	**1.500,0**	-	-	
	Thương mại	-						-	-	-	-							-	-	-	-	
4	**Chợ Bồ Bản (mới)**	**14.200,0**	**9.700,0**				**4.500,0**	**9.700,0**	**9.700,0**	-	-			**4.000,0**	**4.000,0**			**9.700,0**	**5.700,0**	-	**4.000,0**	
11	**Xã Triệu Thuận**				-		**200,0**	**1.900,0**	**1.900,0**	-	-	**5.000,0**	-	-	**1.400,0**	-	-	**5.500,0**	**5.500,0**	-	-	
	Giao thông																	-	-	-	-	
1	**Xây dựng đường GTNT các thôn xã Triệu Thuận**	**1.100,0**	**900,0**			**200,0**		**900,0**	**900,0**						**900,0**			-	-	-	-	
	Văn hóa							-										-	-	-	-	
2	**Nâng cấp sân văn hóa TDTD xã**	**1.000,0**	**500,0**			**300,0**	**200,0**	**500,0**	**500,0**						**500,0**			-	-	-	-	
	Trụ sở							-										-	-	-	-	
3	Nâng cấp trụ sở UBND xã Triệu Thuận	500,0	500,0					500,0	500,0									-	-	-	-	
	Thương mại																	500,0	500,0	-	-	
4	**Chợ Triệu Thuận**	**5.000,0**	**5.000,0**									**5.000,0**						**5.000,0**	**5.000,0**	-	-	
12	**Triệu Đại**			-	-	-	-	**2.100,0**	**2.100,0**	-	-	-	-	-	**1.400,0**	-	-	**700,0**	**700,0**	-	-	
	Giao thông																	-	-	-	-	
1	Đường GTNT thôn Đại Hào	500,0	500,0					500,0	500,0									500,0	500,0	-	-	
2	**Đường GTNT thôn Quảng Điền**	**600,0**	**600,0**					**600,0**	**600,0**						**600,0**			-	-	-	-	
	Văn hóa							-										-	-	-	-	
3	**Nâng cấp nhà văn hóa thôn Quảng Lượng**	**600,0**	**600,0**					**600,0**	**600,0**						**600,0**			-	-	-	-	
4	**Xây dựng khu vui chơi cho người già và trẻ em tại Thôn Quảng Lượng**	**200,0**	**200,0**					**200,0**	**200,0**						**200,0**			-	-	-	-	
5	Sửa chữa nâng cấp nhà văn hóa thôn Đại Hòa	200,0	200,0					200,0	200,0									200,0	200,0	-	-	
13	**Triệu Sơn**			-	-	-	-	**1.000,0**	**1.000,0**	-	-	-	-	-	**500,0**	-	-	**500,0**	**500,0**	-	-	
	Nâng cấp nhà văn hóa xã Triệu Sơn	500,0	500,0					500,0	500,0	-	-							500,0	500,0	-	-	
	Chợ							-	-	-	-							-	-	-	-	
1	**Sửa chữa nâng cấp chợ cạn xã Triệu Sơn**	**500,0**	**500,0**					**500,0**	**500,0**	-	-				**500,0**			-	-	-	-	
14	**Triệu Tài**						-	**1.200,0**	**1.200,0**	-	-	-	-	-	**1.200,0**	-	-	-	-	-	-	
	Giao thông																	-	-	-	-	
1	**Đường GTNT các thôn xã Triệu Tài**	**1.900,0**	**900,0**			**1.000,0**		**900,0**	**900,0**						**900,0**			-	-	-	-	
	Văn hóa							-										-	-	-	-	
2	**Sân văn hóa TDTT thôn An Hưng**	**300,0**	**300,0**					**300,0**	**300,0**						**300,0**			-	-	-	-	
15	**Triệu Trung**						-	**1.500,0**	**1.500,0**	-	-	-	-	-	**1.500,0**	-	-	-	-	-	-	
	Giao thông																	-	-	-	-	
1	**Đường GTNT các thôn xã Triệu Trung**	**2.000,0**	**1.000,0**			**1.000,0**		**1.000,0**	**1.000,0**						**1.000,0**			-	-	-	-	
	Văn hóa							-										-	-	-	-	
2	**Nâng cấp nhà văn hóa Ngô Xá - Thanh Lê**	**500,0**	**500,0**					**500,0**	**500,0**						**500,0**			-	-	-	-	
16	**Triệu An**			-	-	-	-	**2.500,0**	**2.500,0**	-	-	**1.000,0**	-	-	**1.500,0**	-	-	**2.000,0**	**2.000,0**	-	-	
	Giao thông																	-	-	-	-	
1	Đường GTNT các thôn xã Triệu An	1.000,0	1.000,0					1.000,0	1.000,0									1.000,0	1.000,0	-	-	
	Văn hóa							-										-	-	-	-	
2	**Hỗ trợ đầu tư nhà văn hóa các thôn**	**1.000,0**	**1.000,0**					**1.000,0**	**1.000,0**						**1.000,0**			-	-	-	-	
	Nhà văn hóa thôn An Xuân, xã Triệu An											**1.000,0**						**1.000,0**	**1.000,0**	-	-	
	Trường học							-										-	-	-	-	
3	**Nâng cấp các trường học**	**500,0**	**500,0**					**500,0**	**500,0**						**500,0**			-	-	-	-	
17	**Triệu Lăng**						-	**2.500,0**	**2.500,0**	-	-	-	-	-	**2.500,0**	-	-	-	-	-	-	
	Trường học																	-	-	-	-	
1	**Nâng cấp các trường học**	**1.000,0**	**1.000,0**					**1.000,0**	**1.000,0**						**1.000,0**			-	-	-	-	
	Văn hóa							-										-	-	-	-	

TT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư dự kiến						Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Cơ cấu nguồn vốn					Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Sắp xếp nhà đất	
			Thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCBTT	Ngân sách TW, tỉnh hỗ trợ	NS xã, nhân dân đóng góp	Hỗ trợ khác, vốn SN, sắp xếp nhà đất															
2	**Hỗ trợ đầu tư nhà văn hóa các thôn xã Triệu Lăng**	**500,0**	**500,0**					**500,0**	**500,0**						**500,0**			-	-	-	-	
	Giao thông							-										-	-	-	-	
3	**Đường GTNT các thôn xã Triệu Lăng**	**1.000,0**	**1.000,0**					**1.000,0**	**1.000,0**						**1.000,0**			-	-	-	-	
18	**Triệu Vân**							**5.000,0**	**5.000,0**	-	-	-	-	-	**2.000,0**	-	-	**3.000,0**	**3.000,0**	-	-	-
	Văn hóa							-										-	-	-	-	
2	**Hỗ trợ đầu tư nhà văn hóa các thôn xã Triệu Vân**	**1.000,0**	**1.000,0**					**1.000,0**	**1.000,0**						**1.000,0**			-	-	-	-	
	Giao thông							-										-	-	-	-	
3	**Đường GTNT các thôn xã Triệu Vân**	**1.000,0**	**1.000,0**					**1.000,0**	**1.000,0**						**1.000,0**			-	-	-	-	
	Trường học							-		-	-							-	-	-	-	
1	Trường Mầm non Triệu Vân; hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	4.000,0	3.000,0			950,0	50,0	3.000,0	3.000,0	-	-							3.000,0	3.000,0	-	-	
19	**Trích ngân sách huyện theo Nghị Quyết số: 17/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh Quảng Trị và thực hiện nhiệm vụ khác**							**14.400,0**	**14.400,0**									**14.400,0**	**14.400,0**		-	
20	**Dự phòng**							**10.169,0**	**1.900,0**	**1.550,0**	**6.719,0**	-			**1.780,0**		**4.000,0**	**4.389,0**	**120,0**	**1.550,0**	**2.719,0**	
	TỔNG CỘNG							**281.762,0**	**198.500,0**	**43.262,0**	**40.000,0**	**25.340,0**	**5.100,0**	**4.000,0**	**25.340,0**	**5.100,0**	**4.000,0**	**281.262,0**	**198.000,0**	**43.262,0**	**40.000,0**	-